

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
VÂN PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: /GPXD-KKT

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Nam Vân Phong.
 - Địa chỉ: Lô CN21 Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
 2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy chế biến dăm gỗ Ninh Thủy.
 - Theo thiết kế: Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình Nhà máy chế biến dăm gỗ Ninh Thủy đã được Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Nam Vân Phong phê duyệt tại Quyết định số 90/2025/QĐ-CQTNVP ngày 21/5/2025.
 - Do: Công ty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng Nhật Long thực hiện.
 - Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Tô Thùy My.
 - Đơn vị thẩm tra: TNHH Tư vấn Xây dựng DTK-Pro.
 - Chủ trì thẩm tra thiết kế: Nguyễn Thị Phương Thúy.
 - Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp - Cấp công trình: Cấp II.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô CN21 Khu công nghiệp Ninh Thủy, phường Ninh Thủy, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
 - + Diện tích đất sử dụng: 29.550 m².
 - + Diện tích đất xây dựng: 1.968,8 m².
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.162,8 m².
 - + Mật độ xây dựng: 6,66 %.
 - + Cốt xây dựng: ± 0.000 m.
 - + Tổng số công trình: 16 công trình.
- 2.1. Công trình số 01: Tháp đỡ băng tải.**
- Số lượng: 02 tháp.
 - Diện tích xây dựng 01 tháp: 36 m². Tổng diện tích xây dựng 02 tháp: 72 m².
 - Cốt xây dựng: ± 0.000 m.
 - Chiều cao công trình: + 30 m.
 - Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; trụ cột thép hình.

2.2. Công trình số 02: Bể tải ra bãi (KH07).

- Số lượng bể tải ra bãi (KH07): 02 cái.
- Diện tích lắp đặt 01 bể tải: $1,2\text{m} \times 74\text{m} = 88,8 \text{ m}^2$.
- Cốt xây dựng: $\pm 0.000 \text{ m}$.
- Chiều cao công trình: $+ 30 \text{ m}$.

2.3. Công trình số 03: Bể tải nhập dăm (KH09).

- Số lượng bể tải nhập dăm (KH09): 02 cái.
- Diện tích lắp đặt 01 bể tải: $1,2\text{m} \times 28\text{m} = 33,6 \text{ m}^2$.
- Cốt xây dựng: $\pm 0.000 \text{ m}$.
- Chiều cao công trình: $+ 2,7 \text{ m}$.

2.4. Công trình số 04: Xưởng băm dăm.

- Số lượng: 02 xưởng.
- Diện tích xây dựng 01 xưởng: 432 m^2 .
- Tổng diện tích xây dựng 02 xưởng: 846 m^2 .
- Cốt xây dựng: $\pm 0.000 \text{ m}$.
- Chiều cao công trình: $+8,00 \text{ m}$.
- Nhà 01 tầng.
- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B22,5; nền xưởng đổ bê tông dày 20 cm; cột, khung, vì kèo thép hình; mái xà gồ thép, lợp tôn.

2.5. Công trình số 05: Nhà kho dụng cụ thiết bị.

- Diện tích xây dựng: $140,8 \text{ m}^2$.
- Cốt xây dựng: $\pm 0.000 \text{ m}$.
- Chiều cao công trình: $+ 3,70 \text{ m}$.
- Nhà 01 tầng.
- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây bằng gạch ống đất nung hoặc không nung; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm + kính mờ; tường sơn nước.
- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.6. Công trình số 06: Nhà văn phòng.

- Diện tích xây dựng: 194 m^2 .
- Tổng diện tích sàn: 388 m^2 .
- Cốt xây dựng: $\pm 0.000 \text{ m}$.
- Chiều cao công trình: $+ 7,8 \text{ m}$.
- Nhà 02 tầng.

- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây bằng gạch ống đất nung hoặc không nung; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; tường sơn nước.

- Kết cấu: Móng bằng bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.7. Công trình số 07: Nhà để xe.

- Diện tích xây dựng: 150 m².

- Tổng diện tích sàn: 150 m².

- Cốt xây dựng: ± 0.000 m.

- Chiều cao công trình: + 4,00 m.

- Nhà 01 tầng.

- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; nền nhà đổ bê tông dày 20cm; cột, khung, vì kèo thép hình; mái xà gồ thép, lợp tôn.

2.8. Công trình số 08: Trạm điện và phòng máy phát.

- Diện tích xây dựng: 40 m².

- Tổng diện tích sàn: 40 m².

- Cốt xây dựng: $\pm 0,000$ m.

- Chiều cao công trình: + 4,80 m.

- Nhà 01 tầng.

- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây gạch; lắp cửa; tường sơn nước.

- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.9. Công trình số 09: Nhà bảo vệ số 01.

- Diện tích xây dựng: 12 m².

- Tổng diện tích sàn: 12 m².

- Cốt xây dựng: $\pm 0,000$ m.

- Chiều cao công trình: + 3,2 m.

- Nhà 01 tầng.

- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây bằng gạch; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; tường sơn nước.

- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.10. Công trình số 10: Nhà bảo vệ số 02.

- Diện tích xây dựng: 16 m².

- Tổng diện tích sàn: 16 m².

- Cốt xây dựng: $\pm 0,000$ m.
- Chiều cao công trình: + 3,20 m.
- Nhà 01 tầng.
- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây bằng gạch; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; tường sơn nước.
- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.11. Công trình số 11: Bể nước PCCC.

- Xây bể nước PCCC với khối tích 150 m^3 .
- Diện tích xây dựng: $31,5 \text{ m}^2$.
- Chôn sâu 6,3 m.
- Kết cấu: Bê tông cốt thép toàn khối B20, thành bể và đáy bể dày 25 cm.

2.12. Công trình số 12: Trạm bơm.

- Diện tích xây dựng: 20 m^2 .
- Tổng diện tích sàn: 20 m^2 .
- Cốt xây dựng: $\pm 0,000$ m.
- Chiều cao công trình: + 3,10 m.
- Nhà 01 tầng.
- Kiến trúc: Nền nhà lát gạch men, tường xây gạch; cửa đi bằng nhôm kính; tường sơn nước.
- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm, sàn đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.13. Công trình số 13: Bể xử lý nước thải.

- Bể nước với khối tích $6,1 \text{ m}^3$.
- Diện tích xây dựng: $3,5 \text{ m}^2$.
- Chôn sâu 2m.
- Kết cấu: Bể được xây tường dày 20cm, nắp và đáy bể đổ bê tông.

2.14. Công trình số 14: Trạm cân.

- Xây trạm cân có diện tích $72,08 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: +0,4 m.
- Kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép B20; cột, dầm đổ bê tông cốt thép toàn khối B20.

2.15. Công trình số 15: Hàng rào.

- Chiều cao 3 m.

- Chiều dài 680 m.
- Móng xây đá chẻ; cột bê tông cốt thép.

2.16. Công trình số 16: Sân bãi, đất giao thông, khuôn viên cây xanh.

- Diện tích đất sân bãi: 20.416 m².
- Diện tích đất giao thông: 4.304 m².
- Diện tích đất cây xanh: 2.950 m².

3. Giấy tờ về đất đai: Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp số 19072024/HĐCTLĐKCN-HCVP ngày 19/07/2024 giữa Công ty Cổ phần Hoàn Cầu Vân Phong và Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Nam Vân Phong.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không có.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

Nơi nhận:

- Theo điểm 1;
- Sở Xây dựng;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Công ty CP Hoàn Cầu Vân Phong;
- Các phòng: Văn phòng, QLĐTDN;
- Lưu: VT, QLXDMT, PMT, 06.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phan Châu Vinh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh Giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Khánh Hòa, ngày tháng năm
BQL KHU KINH TẾ VÂN PHONG